

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 07/8/2018

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đang;

2. Bà Trần Thị Diệu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trương Bảo Long, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Đình Thế, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế, số 60 Nguyễn Huệ, thành phố Huế xét xử công khai vụ án thụ lý số: 664/2017/TLST-HNGĐ ngày 22/12/2017 về việc “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 450/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: 510 CL, phường PH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Hồ Thị H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: 510 CL, phường PH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 12/10/2017, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần H trình bày:

Ông với bà Hồ Thị H có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 3 năm rồi đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ hỏi, cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường PH, thành phố H vào ngày 14/5/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại 510 CL, phường PH, thành phố H, vợ chồng có thời gian chung sống hoà thuận, nhưng mâu thuẫn xảy ra khoảng vào năm 2005, nguyên nhân do bà H đánh bài, đánh số đề, không lo gì cho gia đình cả, không lo làm ăn, không quan tâm đến đời sống của gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Khoảng năm 2004 bà H có bỏ nhà đi 5 tháng rồi về, đến năm 2006 bỏ nhà đi 2 tháng rồi về, lần gần đây khoảng tháng 2/2017 bà H bỏ nhà đi sau đó ông có gọi về ký giấy ly hôn. Khoảng tháng 3/2017 đến nay bà H bỏ đi không sống tại nhà, không biết bà H sống tại đâu. Từ tháng 3/2017 đến nay thỉnh thoảng bà H có

gọi điện thoại cho ông và cho cháu Th. Nay do mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm với bà H nên xin ly hôn đối với bà H.

Về con chung: Ông với bà H có 03 con chung là: Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 08/6/1999, Trần Thị Mỹ T, sinh ngày 20/10/2003 và Trần Quốc Th, sinh ngày 23/7/2005. Hiện 3 con đang ở với ông tại 510 CL, phường PH, thành phố H. Nếu ly hôn thì cháu L đã trưởng thành nên ở với ai là quyền của cháu, ông yêu cầu được nuôi cháu T và cháu Th, không yêu cầu bà H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông với bà Hiền không có tài sản chung, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Ông với bà Hiền không có nợ chung, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

*. Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/4/2018 phía bị đơn bà Hồ Thị H1 trình bày: Bà với ông Hùng có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 3 năm rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ hỏi, cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú Hậu, thành phố Huế vào ngày 14/5/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại 510 Chi Lăng, phường Phú Hậu, thành phố Huế. Trong cuộc sống bà làm đầu bếp, đi làm hay về khuya, nên ông Hùng ghen tuông và có xảy ra gây gổ, cãi vã nhau. Do sợ ảnh hưởng đến việc học của các con nên năm 2004 bà có bỏ đi khoảng 3 tháng. Từ tháng 8/2017 do ông Hùng ghen tuông, vợ chồng gây gổ, cãi vã nhau nên bà bỏ đi thuê trọ để ở cho đến nay. Từ khi bỏ đi mấy tháng đầu bà ít về nhà, nhưng từ khi ra tết năm 2017 bà hay về để gặp chồng con, nhưng chồng con tránh mặt không gặp. Nay ông Hùng xin ly hôn thì bà không đồng ý ly hôn, mong muốn đoàn tụ vợ chồng, nhưng ông Hùng căng thẳng quá thì bà cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà với ông Hùng có 03 con chung là: Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 08/6/1999, Trần Thị Mỹ T, sinh ngày 20/10/2003 và Trần Quốc Th, sinh ngày 23/7/2005. Hiện 3 con đang ở với ông H tại 510 CL, phường PH, thành phố H. Nếu ly hôn do bà chưa có chỗ ở ổn định nên đồng ý giao 2 cháu T và Th cho ông H nuôi. Do điều kiện khó khăn nên bà xin không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ của ai.

Cháu Trần Thị Mỹ T và cháu Trần Quốc Th đều có nguyện vọng ở với ông Trần H.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, xác định đúng quan hệ tranh chấp, thu thập tài liệu chứng cứ, công khai chứng cứ và hoà giải đúng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Trần H, cho ông Trần H được ly hôn bà Hồ Thị H, giao 02 con chung là Trần Thị Mỹ T, sinh ngày 20/10/2003 và Trần Quốc Th, sinh ngày 23/7/2005 cho ông Trần H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Ông Hùng không yêu cầu bà Hiền cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về

tài sản chung, nợ chung: Ông Trần H và bà Hồ Thị H xác định không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Ông Hùng phải chịu theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Toà án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ hai cho bị đơn - bà Hồ Thị H nhưng bà Hiền vắng mặt tại phiên toà, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà Hiền theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần H và bà Hồ Thị H có quá trình tìm hiểu nhau khoảng 3 năm rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ hỏi, cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường PH, thành phố H vào ngày 14/5/2002 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại 510 CL, phường PH, thành phố H. Theo ông Hùng mâu thuẫn vợ chồng xảy ra khoảng từ năm 2005, nguyên nhân do bà H đánh bài, ghi số đề, không quan tâm, chăm lo đến gia đình. Bà H cho rằng ông H ghen tuông nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Qua xác minh tại địa phương cũng như tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có cơ sở xác định H có đánh bài, công việc bà H phụ rửa chén bát tại các quán nhậu, có khi ở lại đánh bài không về, không lo cho các con, không có ý thức chăm lo cho cuộc sống gia đình, một mình ông H làm nghề xe thô nuôi 3 con, do mâu thuẫn vợ chồng nên có gây gỗ, cãi vã nhau. Từ đầu năm 2017 đến nay bà H ra thuê trọ ở riêng nên vợ chồng đã ly thân khoảng 1 năm nay. Toà án đã nhiều lần tổ chức hoà giải nhưng bà H vắng mặt, tại phiên toà bà cũng vắng mặt đã thể hiện bà không có ý thức hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H là đúng với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Ông Trần H và bà Hồ Thị H xác nhận vợ chồng có 03 người con là Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 08/6/1999, Trần Thị Mỹ T, sinh ngày 20/10/2003 và Trần Quốc Th, sinh ngày 23/7/2005. Hiện 3 con đang ở với ông H tại 510 CL, phường PH, thành phố H. Ông H có nguyện vọng nuôi cháu T và Th, riêng cháu L đã trưởng thành nên cháu muốn ở với ai là quyền quyết định của cháu. Xét thấy bà H cũng đồng ý giao con cho ông H nuôi vì hiện tại bà không có chỗ ở ổn định, hai cháu T và Th có nguyện vọng ở với ông H, nên chấp nhận giao cháu T và Th cho ông H nuôi. Ông H không yêu cầu bà H cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà H xác định không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Ông Trần H phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Trần H, cho ông Trần H được ly hôn bà Hồ Thị H.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Trần Thị Mỹ T, sinh ngày 20/10/2003 và Trần Quốc Th, sinh ngày 23/7/2005 cho ông Trần H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Ông Trần H không yêu cầu bà Hồ Thị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần H và bà Hồ Thị H xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Ông Trần H phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà ông H đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2013/004446 ngày 22/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H. Ông H không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm xét xử công khai nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TP H;
- Chi cục THADS TP Huế;
- UBND phường PH, TP H;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;
- Lưu dân án.

(Đã ký)

Trần Dũng